

Bản án số: 157/2021/DS-PT

Ngày: 04/02/2021

V/v Tranh chấp thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu

Bà Phạm Thị Kim

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Vũ Khắc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29/01/2021 và ngày 04/02/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 340/2020/TLPT - DS ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp thừa kế”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS - ST ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị và kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6348/2020/QĐPT- DS ngày 16/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Quang Tr1, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 06 Đường số 14, Khu phố 3, phường LT, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trịnh Văn H1 - Luật sư Văn phòng luật sư Luật Gia Thành, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh QN.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Thanh Th2, sinh năm 1959.

Địa chỉ: 155 LVC, Khu phố 1, phường LT, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. ông Phạm Quang Ch3, sinh năm 1952.

3.2. bà Phạm Thị H3, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Xóm Nam Vực, xã DT, huyện YT, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ch3, bà H3: bà Nh3, sinh năm 1967 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 06 Đường số 14, Khu phố 3, phường LT, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. ông Phạm Quang H3, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 155 LVC, Khu phố 1, phường LT, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H3: Bà Nguyễn Thị Ng3, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: 155 LVC, Khu phố 1, phường LT, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Bà Nguyễn Thị Ng3, sinh năm 1985 (có mặt)

3.5. ông Phạm Hồng H4, sinh năm 1964.

3.6. Phạm Thị Thanh Th2 sinh năm 1976.

3.7. Ông Trần Văn Th3, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: 155 LVC, khu phố 1, phường LT, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (tất cả có đơn xin vắng mặt)

3.8. ông Đặng Văn Nh3, sinh năm 1953 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 1260 KVC, Khu phố 2, phường LT, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16 tháng 10 năm 2018 và lời trình bày của ông Phạm Quang Tr1:

Cha mẹ của ông là ông Phạm Quang H4, sinh năm 1931, chết năm 2011 và bà Lê Thị T, sinh năm 1927, chết năm 2012. ông H4 bà T có bốn người con gồm Phạm Quang Ch3, Phạm Thị Thanh Th2, Phạm Thị Hải và Phạm Quang Tr1. Di sản của ông H4 là nhà đất tại địa chỉ 155 đường LVC, Khu phố 1, phường LT, quận T, đã được UBND quận T cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 241/2008/GCN ngày 22/7/2008. Nguồn gốc nhà do ông H4 được Giám đốc Nhà máy dệt Việt Thắng cấp để ở theo quyết định số 113/VT-QĐ ngày 15/10/1980, đến năm 2007 ông H4 được Ủy ban nhân dân quận T xét đồng ý cho mua lại căn nhà (vì nhà thuộc sở hữu Nhà nước) theo Nghị định số 61/CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ. Trước khi được công nhận quyền sở hữu, ngày 06/12/2005 ông H4 có lập di chúc để lại nhà đất cho Phạm Quang Hưng và đến ngày 10/4/2006 ông H4 ký đơn xin huỷ bỏ di chúc. Ngày 12/9/2016 tất cả các thừa kế của ông H4 bà T đã thống nhất chia di sản của ông H4 thành hai phần, bà Th2 được sở hữu phần nhà đất có diện tích 67,25 m², ông Tr1 được sở hữu phần nhà đất còn lại có giá trị 2.300.000.000 đồng, sau khi trừ chi phí hoá giá nhà, tiền nợ của ông H4 400.000.000 đồng, chi phí sửa nhà thờ ở Nghệ An 100.000.000 đồng, tặng cho các cháu nội, ngoại của ông H4 500.000.000 đồng, còn lại 1.300.000.000 đồng, chia cho ông Ch3 được hưởng số tiền 470.000.000 đồng, bà H3 được hưởng số tiền 370.000.000 đồng và ông được hưởng 460.000.000 đồng. Do ông nhận

nhà nên có trách nhiệm thanh toán phần giá trị di sản cho ông Ch3, bà H3. Các bên đã thống nhất ký biên bản thoả thuận nhưng sau đó bà Th2 thay đổi ý kiến không đồng ý nội dung phân chia. Vì vậy, ông yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Phạm Quang H4 là toàn bộ nhà, đất tại địa chỉ 155 đường LVC, Khu phố 1, phường LT, quận T theo quy định pháp luật. Nhà đất có diện tích 186,2 m², có tổng giá trị 8.715.111.390 đồng, ông yêu cầu được hưởng kỷ phần thừa kế 2.178.777.847 đồng. Do ông có công sức đóng góp nhiều hơn, đã trực tiếp làm thủ tục mua bán nhà và nộp tiền mua nhà cùng các khoản chi phí khác, nên ông yêu cầu được nhận nhà đất sở hữu và thanh toán bằng giá trị di sản cho các đồng thừa kế.

Bị đơn bà Phạm Thị Thanh Th2 trình bày:

Bà là con của ông Phạm Quang H4 và bà Lê Thị T, cha mẹ bà sinh được 04 người con ruột như nguyên đơn trình bày, ngoài ra không còn người con nào khác. Trước năm 1979 cha mẹ bà sinh sống tại xóm Nam Vực, xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An có tạo lập được tài sản là nhà đất ở quê, năm 1979 ông H4 chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh công tác, giao toàn bộ tài sản ở quê cho bà T quản lý. Nguồn gốc căn nhà số 12 B cư xá Việt Thắng nay có địa chỉ số 155 đường LVC, Khu phố 1, phường LT, quận T do giám đốc nhà máy dệt Việt Thắng cấp cho ông H4 để ở. Năm 1986 bà được ông H4 đưa vào Thành phố Hồ Chí Minh sống chung để đi làm công nhân. Căn nhà ông H4 được cấp có diện tích 30 m² nhưng xung quanh nhà là đất trống nên bà và ông H4 cùng khai hoang để trồng rau nuôi heo, sau đó vì nhu cầu nên xây dựng mở rộng diện tích nhà như hiện nay, hiện trạng phía trước tiếp giáp với đường LVC kéo dài phía sau tiếp giáp đường hẻm. Năm 1988 ông Tr1 cũng vào Thành phố Hồ Chí Minh sống chung với bà và ông H4. Năm 1991 bà lập gia đình nên về sống tại gia đình chồng ở Bình Dương. Năm 1993 bà xin ông H4 trở về sống chung, ông H4 cho bà một căn phòng và phần đất tiếp giáp đường hẻm để thuận tiện trong việc đi lại, sinh hoạt riêng biệt. Sau đó bà xây thêm các phòng nối liền với căn phòng được ông H4 cho để sử dụng làm phòng ngủ, nhà bếp và phòng khách hướng ra đường hẻm. Năm 1999 ông H4 đón cháu nội của ông là Phạm Quang Hưng vào sống chung còn Phạm Quang Tr1 tách ra sống riêng tại một căn nhà khác của ông H4. Việc ông H4 lập di chúc và hủy bỏ di chúc bà có nghe ông Tr1 nói nhưng bà không hiểu biết nên không quan tâm. Khi ông H4 được Nhà nước thông báo cho mua hóa giá nhà, do ông H4 không đi lại được nên có nhờ Phạm Quang Tr1 thực hiện thay các giao dịch và có yêu cầu bà nộp số tiền 32.000.000 đồng. Khoảng tháng 6 năm 2016 ông Tr1 có gọi ông Ch3, bà H3 vào họp gia đình, tổ chức họp hai lần nhưng xảy ra tranh cãi nhau nên không thống nhất được. Một thời gian sau ông Tr1 có đưa cho bà biên bản họp gia đình và nói với bà nội dung biên bản phân chia cho bà phần nhà đất bà đang ở, phần nhà đất còn lại bán cho vợ chồng cháu Hưng nên bà ký tên mà không đọc. Sau đó ông Tr1 không đồng ý bán nhà cho cháu Hưng, bà phản đối nên mới xảy ra tranh chấp. Bà không đồng ý chia di sản thừa kế của ông Phạm Quang H4 vì trước khi chết ông H4 đã có di chúc để lại di sản cho cháu Phạm Quang Hưng. Bà yêu cầu công nhận phần nhà, đất có diện tích khoảng 79,8 m² tại địa chỉ 155 đường LVC,

Khu phố 1, phường LT, quận T thuộc quyền sở hữu của bà vì bà đã được ông H4 tặng cho từ năm 1993.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Tại bản tự khai ngày 27/7/2017 của ông Phạm Quang H3 và lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền bà Nguyễn Thị Ng3:

Thông nhất về quan hệ huyết thống như đại diện nguyên đơn trình bày. ông H3 là con trai của ông Phạm Quang Ch3, cháu nội của ông Phạm Quang H4. Năm 1999 ông H3 được ông nội đón từ quê Nghệ An vào sống chung với ông tại căn nhà 155 đường LVC, Khu phố 1, phường LT, quận T. Hiện trạng nhà thời gian đó đã được chia làm hai phần như hiện nay, ông H3 chỉ nghe ông H4 nói phần nhà ông cháu đang ở là của ông còn phần nhà gia đình cô Thức ở là của cô Thức, ông H3 không biết về nguồn gốc nhà. Quá trình sống chung với ông nội, do nhà xuống cấp nên ông H3 có sửa chữa gia cố phần nhà của hai ông cháu ở để đảm bảo sinh hoạt. Tháng 10 năm 2005 ông H3 lập gia đình và vợ chồng vẫn sống chung với ông nội. Tháng 01/2006 ông H4 giao cho ông H3 tờ di chúc và dặn dò ông H3, nói rõ khi ông chết ông H3 sẽ được sở hữu phần nhà giáp với phòng trọ của nhà cô Thức và khuôn viên đất. Tháng 3/2006 ông H4 bị bệnh tai biến mạch máu não dẫn đến liệt nửa người bên phải, từ thời điểm này ông H4 không thể tự mình sinh hoạt cá nhân nên vợ ông H3 là bà Ng3 phải nghỉ việc chăm sóc cho ông. Tháng 6 năm 2011 ông H4 chết, trước khi chết vẫn dặn dò ông H3 thực hiện đúng tờ di chúc, nhớ hương hỏa ông bà. Khi ông H4 chết ông để lại số tiền tiết kiệm 30.000.000 đồng và khoản tiền từ tuất, phúng điếu đủ để lo tang lễ và xây mộ cho ông. Toàn bộ số tiền này ông H3 và bà Th2 thống nhất giao hết cho ông Tr1 quản lý để chi phí. Tờ đơn xin hủy bỏ di chúc ngày 10/4/2006 do ông Tr1 giữ và không ai được biết. Sau khi được Tòa án cung cấp ông H3 xác định tờ đơn này không phải ý chí của ông H4 và không phải chữ ký của ông H4. Vì vậy, ông H3 không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời có yêu cầu độc lập công nhận di chúc ngày 06/12/2005 của ông Phạm Quang H4 là hợp pháp.

2. Bà Nguyễn Thị Ng3 trình bày: Bà là vợ của ông Phạm Quang H3, bà và ông H3 kết hôn năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống chung với ông H4 tại căn nhà 155 LVC. Tháng 3/2006 ông H4 bị liệt nửa người bên phải, bà là người trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng ông H4 suốt thời gian ông bị bệnh. Tờ đơn xin hủy bỏ di chúc ngày 10/4/2006 do ông Tr1 cung cấp là không phù hợp, bởi lẽ tại thời điểm này ông H4 đang điều trị ngoại trú và bị mất giấy chứng minh nhân dân nên bà đang đăng ký cấp lại giấy chứng minh nhân dân cho ông H4. Vì vậy ông H4 không thể có bản chính giấy chứng minh nhân dân để xuất trình khi chứng thực chữ ký. Ý chí của ông H4 là giao nhà cho ông H3 quản lý để thờ phụng ông bà tổ tiên nên đề nghị ông Tr1, bà Th2 tôn trọng. Vào ngày 19/6/2016 (không phải ngày 12/9/2016) ông Tr1 có tổ chức cuộc họp gia đình tại nhà 155 LVC để phân chia di sản của ông H4, vợ chồng bà là cháu nên không được tham gia, tuy nhiên do bà có mặt nên sau khi nghe ông Tr1 nói ông nội đã hủy bỏ di chúc thì bà có đề nghị được mua lại căn nhà theo giá ông Tr1 đưa ra là 2.300.000.000 đồng. Sau đó ông Tr1 thông báo giá bán

căn nhà là 2.700.000.000 đồng, do không có tiền và ông H3 không đồng ý nên bà từ chối. Bà đồng ý với yêu cầu và ý kiến trình bày của ông H3.

3. ông Phạm Quang Ch3 có người đại diện theo uỷ quyền bà Nh3 trình bày:

Về quan hệ huyết thống đúng như các bên đã trình bày. ông Ch3 xác định toàn bộ nhà đất tại địa chỉ 155 đường LVC, Khu phố 1, phường LT, quận T là di sản của ông Phạm Quang H4. ông Ch3 thống nhất chia di sản theo yêu cầu của ông Tr1. Đồng ý giao nhà, đất cho ông Tr1 quản lý và nhận giá trị di sản do ông Tr1 thanh toán. ông Ch3 chỉ yêu cầu Tòa án xác định kỷ phần thừa kế ông được hưởng là 2.178.777.847 đồng, số tiền ông Ch3 đã nhận của ông Tr1 các bên tự thỏa thuận giải quyết.

4. bà Phạm Thị H3 có người đại diện theo uỷ quyền bà Nh3 trình bày:

Thống nhất với ý kiến trình bày của ông Phạm Quang Ch3. Ngày 12/9/2016 tất cả các thừa kế của ông H4 đã ký biên bản họp gia đình thỏa thuận phân chia di sản. Do bà Th2 thay đổi ý kiến nên ông Tr1 yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật. bà H3 yêu cầu được hưởng $\frac{1}{4}$ giá trị di sản của ông H4, tương đương 2.178.777.847 đồng. Số tiền bà H3 và ông Tr1 thỏa thuận phân chia với nhau hai bên không tranh chấp, tự giải quyết.

5. ông Phạm Hồng H4 trình bày: Ông là chồng của bà Phạm Thị Thanh Th2, ông sinh sống tại căn nhà 155 đường LVC, Khu phố 1, phường LT, quận T từ năm 1995 cho đến nay. Phần nhà đất ông H4 cho bà Th2 được vợ chồng ông xây dựng mở rộng diện tích để sử dụng. Ông không có ý kiến và yêu cầu gì đối với di sản của ông H4. Phần nhà được ông và bà Th2 xây dựng thêm ông không tranh chấp, đồng ý giao cho bà Th2 được quyền sở hữu.

6. Bà Phạm Thị Thanh Phương trình bày: Bà là con của bà Phạm Thị Thanh Th2 và ông Phạm Hồng H4. Bà sinh ra và lớn lên tại căn nhà hiện tại gia đình bà đang ở, theo bà được biết thì nhà đất có nguồn gốc do ông ngoại Phạm Quang H4 tặng cho bà Th2. Việc tranh chấp giữa ông Tr1 và mẹ bà bà không liên quan và không có ý kiến.

7. Bà Phạm Thị Huế trình bày: Bà là cháu nội của ông Phạm Quang H4, bà đã sống tại căn nhà này từ năm 1992 cho đến nay. Tranh chấp giữa ông Tr1 và bà Th2 bà không liên quan và không có ý kiến.

8. Ông Trần Văn Th3 trình bày: Ông là chồng của bà Huế, ông kết hôn và chung sống với bà Huế tại căn nhà 155 LVC từ năm 2006. Tranh chấp giữa ông Tr1 và bà Th2 ông không liên quan và không có ý kiến.

9. Ông Mai Chí Quyết trình bày: Ông là con rể của bà Th2, hiện tại ông cùng vợ Phạm Thị Thanh Phương sống chung với cha mẹ vợ tại căn nhà 155 đường LVC, Khu phố 1, phường LT, quận T. Tranh chấp giữa ông Tr1 và bà Th2 ông không liên quan và không có ý kiến.

10. ông Đặng Văn Nh3 trình bày:

Năm 1997 ông Phạm Quang H4 có mua vật liệu xây dựng của ông và nợ lại khoản tiền 26.489.000 đồng chưa thanh toán. Số tiền nợ này chỉ thể hiện tại sổ bán hàng, không có giấy xác nhận nợ nhưng có con trai của ông H4 là Phạm Quang Tr1 thừa nhận vì ông Tr1 làm việc chung với ông. Năm 2006 ông Tr1

có xác nhận số nợ gốc và đồng ý trả lãi suất 1,5%/tháng. Do ông H4 đã chết nên ông yêu cầu những người thừa kế của ông H4 phải thanh toán cho ông số tiền nợ gốc 26.489.000 đồng và tiền lãi suất 73.511.000 đồng, tổng cộng 100.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS - ST ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp di sản thừa kế theo pháp luật” của ông Phạm Quang Tr1.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố “Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản” của bà Phạm Thị Thanh Th2;

Công nhận hợp đồng tặng cho bằng lời nói của ông Phạm Quang H4 có hiệu lực. Bà Phạm Thị Thanh Th2 được quyền sở hữu và sử dụng quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất có diện tích 79,8 m² thuộc một phần nhà, đất tại địa chỉ 155 đường LVC, Khu phố 1, phường LT, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 241/2008/GCN ngày 22/7/2008 và bản đồ hiện trạng vị trí - xác định ranh ngày 04/12/2019 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và môi trường TP. Hồ Chí Minh.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập “Tranh chấp di sản thừa kế theo di chúc” của ông Phạm Quang H3;

Xác định di sản thừa kế của ông Phạm Quang H4 là quyền sử dụng đất có diện tích 106,4 m² và quyền sở hữu nhà gắn liền với đất thuộc một phần nhà, đất tại địa chỉ 155 đường LVC, Khu phố 1, phường LT, quận T có giá trị 4.931.650.837 (bốn tỷ chín trăm ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn tám trăm ba mươi bảy) đồng.

Công nhận di chúc ngày 06/12/2005 của ông Phạm Quang H4 là hợp pháp, có hiệu lực.

ông Phạm Quang H3 được quyền sở hữu một phần căn nhà có diện tích 66,9 m² và quyền sử dụng đất có diện tích 106,4 m² tại địa chỉ 155 đường LVC, Khu phố 1, phường LT, quận T theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 241/2008/GCN ngày 22/7/2008 và bản đồ hiện trạng vị trí - xác định ranh ngày 04/12/2019 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Phạm Thị Thanh Th2 và ông Phạm Quang H3 mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông Phạm Quang Tr1 số tiền 42.438.519 (bốn mươi hai triệu bốn trăm ba tám nghìn năm trăm mười chín) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Ông Phạm Quang Tr1 có trách nhiệm giao trả bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 241/2008/GCN ngày 22/7/2008 cho bà Phạm Thị Thanh Th2 và ông Phạm Quang H3.

Bà Phạm Thị Thanh Th2 và ông Phạm Quang H3 được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo quy định.

6. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đặng Văn Nh3 về việc buộc những người thừa kế của ông Phạm Quang H4 thanh toán số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lệ phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 07/05/2020, nguyên đơn ông Phạm Quang Tr1 kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm.

Ngày 25/05/2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 6550/QĐKNPT-VKS-DS.

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không rút yêu cầu độc lập, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các đương sự vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Trịnh Văn H1 trình bày như sau:

- Nhà đất tranh chấp là do Công ty Việt Thắng cấp cho gia đình ông H4 để ở và ông H4 được quyết định cho mua hóa giá nhà đất, sau đó ông H4 được cấp Giấy chứng nhận ngày 22/7/2008, ông H4 và bà T là vợ chồng, khi mua nhà và bà T không tranh chấp và đồng ý cho ông H4 được đứng tên mua nhà đất này và bà T không có văn bản nào xác nhận nhà đất này là tài sản riêng của ông H4 nên nhà đất này là tài sản chung của ông H4 và bà T. Ngày 06/12/2005 ông H4 lập di chúc để lại nhà đất này cho ông Phạm Quang H3, di chúc được xác nhận chữ ký tại phường LT và có người làm chứng, khi ông H4 lập di chúc thì ông H4 chưa được cấp GCN và chưa có quyết định bán nhà thuộc sở hữu nhà nước cho ông H4 ngày 10/4/2006, ông H4 có lập Đơn xin hủy di chúc và ký tại phường LT, theo các bên và người làm chứng trình bày thì ông H4 có đến phường LT chứng thực chữ ký, do đó thì đây là di sản do ông H4 và bà T chết để lại, ông H4 và bà T không để lại di chúc đối với di sản này nên yêu cầu của ông H3 là công nhận di chúc ngày 06/12/2005 là hợp pháp là không đúng. Bà Th2 thì bà cho rằng ông H4 đã tặng cho bà một phần nhà đất này nhưng không có chứng cứ mà ông H4 chỉ cho ở, các thừa kế cũng không thừa nhận là có việc tặng cho nhà đất giữa ông H4 và bà Th2, khi ông H4 được cấp giấy GCN thì ông H4 với bà Th2 cũng không có việc tặng cho phần nhà đất cho bà Th2, do đó đề nghị yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật, ông Tr1 có nguyện vọng nhận nhà và đồng ý thanh toán kỷ phần cho các thừa kế còn lại, ông Ch3 và bà H3 cũng đồng ý tặng cho ông Tr1 giá trị phần thừa kế của mình nên đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông Tr1 và yêu cầu khởi kiện của ông Tr1, chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế của ông H4, bà T theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận xét việc Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục

được qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị giữ nguyên kháng nghị số 6550/QĐKNPT-VKS-DS ngày 25/05/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Cấp sơ thẩm xác định thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: cháu Mai Thiên Phúc sinh năm 2015; cháu Trần Văn Thuyết, Trần Gia Cường; cháu Phạm Thị Thanh Yên sinh năm 2006; Phạm Quang Khải sinh năm 2010 là đang cư trú tại nhà 155 đường LVC; Về trị giá tài sản có sự chênh lệch với thời điểm hiện nay nên cần phải định giá lại; Về các bản vẽ hiện trạng, vị trí nhà - đất không rõ nên không cụ thể phần đất của bà Th2 đang ở mà Toà sơ thẩm lại chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Th2 đối với một phần nhà đất có diện tích 79,8m² là không có căn cứ; Về xem xét đánh giá về các chứng cứ của bản Di chúc và Huỷ bỏ di chúc của cấp sơ thẩm chưa đúng, do đó đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 điều 308 BLTTDS tuyên huỷ bản án sơ thẩm số 69/2019/DS - ST ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân quận T để làm rõ những vấn đề trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Phạm Quang Tr1; Kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Chí Minh đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo, kháng nghị do đó về hình thức là hợp lệ. Về người tham gia tố tụng trong vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định đúng về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Nguyên đơn ông Phạm Quang Tr1 kháng cáo cho rằng Bản án sơ thẩm ghi nhận và đánh giá những chứng cứ chưa khách quan, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và gia đình ông. Do đó ông kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét nhà đất tại địa chỉ 155 đường LVC, Khu phố 1, phường LT, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế theo pháp luật chưa chia và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông trong quá trình giải quyết vụ kiện.

[3] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định Bản án sơ thẩm giải quyết về chia thừa kế và phần án phí đã vi phạm nghiêm trọng ảnh hưởng về thu ngân sách nhà nước và quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ kiện. Do đó đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

[4] Xét yêu cầu kháng cáo, kháng nghị, các yêu cầu của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy các đương sự có các yêu cầu như sau:

* Nguyên đơn ông Phạm Quang Tr1 khởi kiện yêu cầu tuyên bố di chúc lập ngày 07/12/2005 của ông Phạm Quang H4 bị vô hiệu và chia thừa kế 1/4 giá trị căn nhà và đất số 155 đường LVC, khu phố 1, phường LT, quận T là di sản do cha mẹ để lại.

* Bị đơn bà Phạm Thị Thanh Th2 phản tố yêu cầu công nhận phần nhà đất có diện tích khoảng 79,8m² tại địa chỉ 155 đường LVC, khu phố 1, phường LT, quận T thuộc quyền sở hữu của bà vì bà đã được ông H4 tặng cho từ năm 1993.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Quang H3 có yêu cầu độc lập đề nghị công nhận di chúc ngày 06/12/2005 của ông Phạm Quang H4 là hợp pháp.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Quang Ch3 và bà Nh3 đều thống nhất với ý kiến trình bày của ông Tr1, đồng ý giao ký phần thừa kế cho ông Tr1 và tự 3 bên thỏa thuận giải quyết với nhau không tranh chấp.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn Nh3 có yêu cầu độc lập yêu cầu các thừa kế của ông H4 gồm ông Tr1, bà Th2, ông Ch3, bà H3 và ông H3 thanh toán cho ông số tiền là 100.000.000 đồng.

[5] Xét, về nhà đất số 155 đường LVC, khu phố 1, phường LT, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đang tranh chấp, HĐXX nhận thấy:

- Theo Quyết định số 113/VT- QĐ ngày 15/10/1980 về việc tạm cấp nhà số 12B đường Cư xá Việt Thắng, phường Linh Xuân, quận T cho ông Phạm Quang H4, gia đình gồm 04 nhân khẩu để ở và Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày/12/2006 của UBND quận T về việc bán nhà thuộc sở hữu nhà nước và chuyển quyền sử dụng đất ở căn nhà số 155 (12B cũ) - cư xá Việt Thắng, đường LVC, khu phố 1, phường LT, quận T cho ông Phạm Quang H4, diện tích 187,25m². Sau khi hoàn thành thủ tục mua hóa giá đối với nhà đất nêu trên, ngày 22/7/2008 ông Phạm Quang H4 được Ủy ban nhân dân quận T cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 241/2008/GCN. Như vậy, về nguồn gốc nhà đất là do Công ty Việt Thắng cấp cho gia đình ông H4 để ở. Đến ngày 30/12/2006 ông H4 được UBND quận T quyết định cho mua hóa giá nhà đất nêu trên, sau khi hoàn thành thủ tục mua hóa giá thì ông Phạm Quang H4 được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 22/7/2008.

- Nhận thấy, tại thời điểm mua hóa giá nhà ông H4 và bà T tồn tại quan hệ hôn nhân. Theo "*Giấy cam kết ngày 23/12/2007*" bà Lê Thị T xác nhận không tranh chấp khiếu nại và đồng ý cho Phạm Quang H4 được đứng tên mua nhà đất số 155 đường LVC, khu phố 1, phường LT, quận T. Trước và sau khi ông H4 mua hóa giá nhà đất nêu trên bà T không có văn nào xác nhận nhà đất nêu trên là tài sản riêng của ông Phạm Quang H4 hay việc mua hóa giá nhà là từ tiền riêng của ông H4.

Theo điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 "*1. Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh và những thu nhập hợp pháp khác của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung*

và những tài sản khác mà vợ chồng thoả thuận là tài sản chung. Quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng. Quyền sử dụng đất mà vợ hoặc chồng có được trước khi kết hôn, được thừa kế riêng chỉ là tài sản chung khi vợ chồng có thoả thuận....”.

Do đó có cơ sở xác định nhà đất số 155 đường LVC này được nhà nước bán hoá giá cho vợ chồng ông H4 nên là tài sản chung của ông H4 và bà T. Cấp sơ thẩm xác định nhà đất này là tài sản riêng của ông Phạm Quang H4 là không có căn cứ và không đúng theo qui định của pháp luật.

[6] Xét về di chúc của ông Phạm Quang H4, HĐXX nhận thấy:

- Ngày 06/12/2005, ông H4 lập di chúc để lại nhà đất 155 đường LVC, khu phố 1, phường LT, quận T cho ông Phạm Quang H3. Di chúc được xác nhận chữ ký tại Ủy ban nhân dân phường LT, quận T và có bà Trần Thị Phụng và ông Lê Ngọc Trình làm chứng (b1 số 146, 304, 318). Theo quyết định số 113/VT-QĐ ngày 15/10/1980 về việc tạm cấp nhà số 12B đường Cư xá Việt Thắng, phường Linh Xuân, quận T cho ông Phạm Quang H4 có nội dung: *“Người được cấp nhà không được chuyển đổi cho người khác, không cho thêm người mới vào, cấm không được đào ao thả cá, không được tự ý tháo gỡ, đục tường làm khi chưa có ý kiến của nhà máy cho phép”* thì ông H4 mới chỉ được cấp nhà đất để ở, chưa phải là người chủ sở hữu đối với nhà đất này. Đến ngày 30/12/2006 ông H4 mới được UBND quận T bán hóa giá và được cấp giấy chứng nhận vào ngày 22/7/2008. Xét thấy, tại thời điểm ông H4 lập di chúc đối với tài sản là nhà đất nêu trên, ông H4 chưa được UBND quận T ra quyết định bán nhà thuộc sở hữu nhà nước, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

Điều 649 Bộ luật dân sự năm 1995 (nay là điều 624 Bộ luật dân sự năm 2015) quy định: *“Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết”*. Do đó, tại thời điểm này thì ông H4 không có quyền lập di chúc để định đoạt đối với nhà đất 155 đường LVC vì nhà đất này đang thuộc sở hữu nhà nước, không phải là tài sản của ông H4 nên di chúc mà ông H4 lập ngày 06/12/2005 là trái quy định tại điều 649 Bộ luật dân sự năm 1995.

Điều 661 Bộ luật dân sự năm 1995 (điều 658 BLDS năm 2005, điều 636 Bộ luật dân sự năm 2015 cũng quy định tương tự): *“Việc lập di chúc tại ...Ủy ban nhân dân xã, phường phải tuân thủ theo thủ tục sau đây: 1. Người lập di chúc tuyên bố nội dung của di chúc trướcngười có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn..... người có thẩm quyền chứng thực phải ghi chép lại nội dung mà người lập di chúc đã tuyên bố. Người lập di chúc ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc sau khi xác nhận bản di chúc đã được ghi chép chính xác và thể hiện đúng ý chí của mình....người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ký vào Bản di chúc”*

- Bản di chúc ông H4 lập ngày 07/12/2005, UBND phường LT, quận T do bà Nguyễn Thị Cẩm Chi - phó chủ tịch phường xác nhận ngày 06/12/2005, cho thấy việc xác nhận của UBND có trước khi ông H4 xác lập bản di chúc và ký

bản di chúc này, cụ thể là ông H4 đã không lập di chúc và ký trước mặt người có thẩm quyền chứng thực của UBND phường LT. Bà Nguyễn Thị Cẩm Chi là phó chủ tịch phường không ghi chép cũng như không chứng kiến việc ông H4 lập di chúc nhưng lại ký xác nhận vào bản di chúc của ông H4. Tại bản tự khai ngày 25/4/2019 bà Nguyễn Thị Cẩm Chi đã thừa nhận việc ký xác nhận chữ ký là do thông qua cán bộ kiểm duyệt hồ sơ trình cho bà ký, còn ngày tháng năm của Bản di chúc là do đương sự tự ghi (bl số 237). Do đó việc lập và chứng thực di chúc này đã vi phạm và trái với quy định điều 661 Bộ luật dân sự năm 1995 (nay là điều 636 Bộ luật dân sự năm 2015).

Căn cứ tại Điều 655 Bộ luật dân sự 1995 (nay điều 652 BLDS năm 2005) quy định: *"Di chúc được coi là hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau đây:*

a) Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép;

b) Nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật..."

Do đó, "Di chúc ngày 06/12/2005" của ông Phạm Quang H4 không hợp pháp vì trái pháp luật về điều kiện để di chúc hợp pháp.

- Sau khi lập bản di chúc ngày 06/12/2005 thì đến ngày 10/4/2006, ông Phạm Quang H4 đã làm "Đơn xin hủy di chúc" và đơn này được chứng thực chữ ký tại Ủy ban nhân dân phường LT quận T (bl số 299). Tại biên bản đối chất ngày 20/4/2018 (bl số 372) bị đơn bà Th2 trình bày: *"Ngày 10/4/2006, theo đề nghị của ông Tr1 và cha, bà đi cùng ông H4 đến Ủy ban nhân dân phường LT để hủy bỏ di chúc. Khi đến trụ sở phường, bà đứng ngoài, thời điểm này ông H4 bị liệt tay phải nên không ký được"*.

Tại bản tự khai ngày 21/6/2019 (bl số 238) ông Nguyễn Văn Quý trình bày: *"Ông là cháu ngoại ông H4. Khoảng tháng 4 năm 2006, ông Tr1, bà Th2 gọi ông lại và ông H4 đã nhờ ông viết tờ hủy di chúc trước sự chứng kiến của bà Phụng, ông Trình, bà Th2, ông Tr1 và cán bộ phường, ông xác định chữ ký trong "Đơn xin hủy bỏ di chúc" là do ông H4 ký"*. Tại Bản tự khai của người làm chứng Lê Ngọc Trình khai: *"... Chữ ký trong Bản Di chúc và trong Đơn xin hủy bỏ di chúc đều do ông tự ký tên và ghi rõ họ tên mình"* (bl số 234). Theo xác minh tại UBND phường LT xác nhận có chứng nhận chữ ký tại đơn xin hủy bỏ di chúc ngày 10/4/2006 của ông Phạm Quang H4, hồ sơ có lưu bản photo bản di chúc ngày 06/12/2005, "Đơn xin hủy bỏ di chúc" sổ hộ khẩu của ông H4, giấy chứng nhận hưu trí và các giấy tờ cá nhân khác (bl số 381).

Theo Kết luận giám định số 930/C54B ngày 19/3/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh xác định các chữ ký đứng tên Phạm Quang H4 trên 10 tài liệu mẫu so sánh là cùng một người ký ra. Và chữ ký mang tên Phạm Quang H4 trong "Đơn xin hủy bỏ di chúc" ghi ngày 10/4/2006 với các chữ ký trên 10 tài liệu so sánh không cùng một người ký ra (bl số 342). Tuy nhiên, trong các mẫu so sánh này không có chữ ký của ông H4 trong giai đoạn năm 2006.

Tại Kết luận giám định số 204/GĐKTHS-P11 ngày 07/8/2018 xác định chữ ký dưới mục “Người viết đơn hủy bỏ di chúc” trên “Đơn xin hủy bỏ di chúc” đề ngày 10/4/2006 so với chữ ký đứng tên Phạm Quang H4 trên 14 tài liệu mẫu so sánh là không phải do một người ký ra (bl số 344). Xét các tài liệu mẫu so sánh mà đương sự cung cấp là các văn bản được ông Phạm Quang H4 lập vào các năm 1987, 1994, 1995, 1997, 1996, 2007, 2009, 2010 cũng không phải là những văn bản trong giai đoạn năm 2006 để làm căn cứ giám định chữ ký của ông H4. Mặc dù các kết luận giám định xác định không phải do một người ký ra nhưng do các tài liệu mẫu so sánh không cùng thời điểm năm 2006 nên HĐXX nhận thấy, nếu chỉ dựa vào các kết luận này để xác định chữ ký trong “Đơn xin hủy bỏ di chúc” đề ngày 10/4/2006 không phải do ông Phạm Quang H4 ký là chưa đủ cơ sở, vì chữ ký của cá nhân có thể thay đổi theo ý chí theo thời gian của cá nhân đó. Bên cạnh đó tại thời điểm năm 2006 thì ông H4 bị tai nạn, tay bị thương nên chữ ký có thể thay đổi, không ổn định là có cơ sở.

Do đó, xét các chứng cứ khác trong đó có lời khai của bị đơn bà Th2, của nguyên đơn, người làm chứng nêu trên thì có cơ sở để xác định ông Phạm Quang H4 có đến UBND phường LT để xin chứng thực vào “Đơn xin hủy bỏ di chúc” ngày 10/4/2006 và hiện nay UBND phường LT vẫn đang lưu giữ văn bản này.

Cấp sơ thẩm cho rằng việc chứng thực chữ ký của ông Phạm Quang H4 tại “Đơn xin hủy bỏ di chúc ngày 10/4/2006” không đúng quy định tại điều 11; khoản 2, điều 24; điều 41 và điều 56 của Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 và căn cứ các kết luận giám định chữ ký để xác định ông H4 chưa hủy bỏ di chúc ngày 10/4/2006 là không đúng với ý chí của ông H4 và không phù hợp với quy định pháp luật. Tại “Biên bản họp gia đình để phân chia tài sản thừa kế” các đồng thừa kế của ông H4, bà T là: ông Ch3, bà Th2, bà H3, ông Tr1 đã cùng nhau xác định: “Bố mẹ chúng tôi khi mất đi không để lại di chúc thừa kế” (bl số 198). Đồng thời “Di chúc ngày 06/12/2005” của ông Phạm Quang H4 lập ký vào ngày 06/12/2005 nhưng chứng thực ngày 07/12/2005 là trái pháp luật nhưng cấp sơ thẩm vẫn xác định Di chúc có hiệu lực, còn đối với “Đơn xin hủy bỏ di chúc” ngày 10/4/2006 cũng lập, ký một ngày và chứng thực một ngày khác thì cấp sơ thẩm cho là không đúng, không trái pháp luật. Do đó cấp sơ thẩm có sự mâu thuẫn trong việc đánh giá chứng cứ nên cần rút kinh nghiệm. Từ những phân tích nêu trên, xác định ông H4 thay đổi ý chí và đã hủy bỏ “Di chúc ngày 06/12/2005” nên HĐXX cấp phúc thẩm có cơ sở xác định: “Di chúc ngày 06/12/2005” là không hợp pháp, bị vô hiệu vì trái pháp luật và ông H4 đã hủy bỏ.

[7] Xét về yêu cầu phản tố của bị đơn bà Phạm Thị Thanh Th2:

- bà Th2 phản tố yêu cầu công nhận phần nhà đất có diện tích khoảng 79,8m² tại địa chỉ 155 đường LVC, khu phố 1, phường LT, quận T thuộc quyền sở hữu của bà vì bà đã được ông H4 tặng cho từ năm 1993:

Nhận thấy, bà Th2 về ở tại một phần ngôi nhà nêu trên từ năm 1993, tại thời điểm này nhà đất vẫn thuộc sở hữu nhà nước, ông H4 chưa phải là chủ sở hữu nhà đất nên chưa có quyền định đoạt đối với nhà đất 155 LVC. Đến năm

2008, khi ông H4 được cấp Giấy chứng nhận đối với nhà đất nêu trên, theo quy định tại Luật đất đai, Bộ luật dân sự thì việc tặng cho quyền sử dụng đất phải lập hợp đồng tặng cho có công chứng, chứng thực theo quy định. Phía bà Th2 cho rằng ông H4 đã tặng cho bà diện tích nhà đất mà hiện bà đang ở nhưng bà Th2 không xuất trình được văn bản nào chứng minh có việc chuyển dịch quyền sử dụng đất từ ông H4 cho bà. Giữa ông H4, bà T và bà Th2 cũng không có thỏa thuận, không xác lập giao dịch nào về việc tặng cho phần nhà đất mà bà Th2 đang ở. Các đồng thừa kế còn lại cũng không thừa nhận là có việc tặng cho nhà đất giữa ông H4 và bà Th2. Mặt khác, ngày 12/9/2016 ông Tr1, ông Ch3, bà Th2, bà H3 đã cùng lập "*Biên bản họp gia đình để phân chia tài sản thừa kế*" với nội dung: "*Bố mẹ chúng tôi sau khi mất đi, để lại tài sản thừa kế là ngôi nhà tọa lạc tại địa chỉ số 155 đường LVC, khu phố 1, phường LT, quận T...*" (bl số 198). Do đó, không có căn cứ để xác định ông H4, bà T đã tặng cho bà Th2 một phần căn nhà đất có diện tích khoảng 79,8m² tại địa chỉ 155 đường LVC. Việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Phạm Thị Thanh Th2 là chưa xem xét đánh giá đầy đủ các chứng cứ, chưa phù hợp với các quy định pháp luật về tặng cho tài sản.

[8] Xét về yêu cầu độc lập của ông Phạm Quang H3, HĐXX nhận thấy:

- Như đã nhận định và phân tích nêu trên, do di chúc ngày 06/12/2005 của ông H4 không hợp pháp và đã bị ông H4 hủy bỏ nên yêu cầu độc lập của ông Phạm Quang H3 về việc công nhận di chúc ngày 06/12/2005 hợp pháp là không có cơ sở chấp nhận.

[9] Xét đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quang Tr1:

* Về yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu: Như đã nhận định ở trên, di chúc ngày 06/12/2005 của ông H4 là không hợp pháp, bị vô hiệu vì trái pháp luật nên yêu cầu này của ông Tr1 là có căn cứ, được chấp nhận.

* Về yêu cầu chia thừa kế và nhận di sản là nhà đất:

- Các đương sự trong vụ án đều thống nhất xác định ông H4 bà T có 04 người con chung gồm: Phạm Quang Ch3, Phạm Quang Tr1, Phạm Thị Thanh Th2, Phạm Thị Hải. Ngoài ra ông H4 bà T không có con riêng hay con nuôi nào khác, cha mẹ của ông H4 bà T đã chết trước ông H4 bà T. Căn cứ theo quy định tại điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005, HĐXX có cơ sở xác định thừa kế của ông H4, bà T bao gồm các ông bà: Phạm Quang Ch3, Phạm Quang Tr1, Phạm Thị Thanh Th2, Phạm Thị Hải.

- Về di sản thừa kế của ông H4 bà T: Như đã nêu trên, nhà đất số 155 đường LVC là tài sản chung của ông H4, bà T. Khi còn sống ông H4, bà T không tặng cho bà Th2 một phần nhà đất như bà Th2 trình bày và cũng không tặng cho nhà đất cho bất kỳ ai nên có cơ sở xác định di sản do ông H4 bà T để lại là nhà đất số 155 đường LVC, khu phố 1, phường LT, quận T theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 241/2008/GCN do UBND quận T cấp ngày 22/7/2008. Do "*Di chúc ngày 06/12/2005*" của ông H4 không hợp pháp, vô hiệu và bị ông H4 hủy bỏ nên xác định ông H4, bà T chết không để lại di chúc nên di sản của ông H4, bà T được

chia theo quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu của ông Tr1 về việc chia thừa kế đối với nhà đất số 155 đường LVC theo quy định của pháp luật là có căn cứ nên được chấp nhận.

Theo quy định tại điều 685 Bộ luật dân sự 2005 thì di sản của ông H4 và bà T được chia thành 04 phần bằng nhau, các ông bà: Phạm Quang Ch3, Phạm Quang Tr1, Phạm Thị Thanh Th2, Phạm Thị Hải mỗi người được hưởng 01 phần di sản.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Quang Ch3 và bà Phạm Thị H3 xác định tặng cho ông Tr1 toàn bộ giá trị kỷ phần thừa kế của ông bà đối với di sản nhà đất 155 đường LVC và trong quá trình giải quyết vụ kiện người đại diện theo ủy quyền của ông Ch3 bà H3 xác định ông bà vẫn giữ nguyên ý kiến tặng cho kỷ phần thừa kế này. Ông Phạm Quang Tr1 xác nhận đồng ý nhận giá trị kỷ phần mà ông Ch3, bà H3 tặng cho trong khối di sản thừa kế này. Xét thỏa thuận giữa ông Ch3, bà H3 và ông Tr1 là tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên HĐXX công nhận về nội dung thỏa thuận này. Như vậy ông Tr1 được nhận 3/4 di sản, bà Th2 được nhận 1/4 di sản thừa kế, do ông Tr1 được nhận 3/4 di sản, ông Tr1 có nguyện vọng nhận nhà và đồng ý thanh toán kỷ phần cho các đồng thừa kế còn lại. ông Ch3 bà H3 cũng đồng ý tặng cho ông Tr1 giá trị kỷ phần thừa kế của mình nên xét thấy cần giao nhà đất 155 đường LVC, khu phố 1, phường LT, quận T cho ông Phạm Quang Tr1 sở hữu sau khi đã thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Th2 phù hợp.

* Về giá trị xây dựng của bà Phạm Thị Thanh Th2:

- Tại bản tự khai ngày 27/7/2017 bị đơn bà Th2 cho biết bà được ông H4 cho về ở tại nhà đất 155 đường LVC, sau đó bà có xây dựng thêm căn nhà nhỏ có diện tích 16m² (bl số 224) nối liền với căn phòng được ông H4 cho để sử dụng làm phòng ngủ, nhà bếp và phòng khách hướng ra đường hẻm. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/8/2019 (bl số 390) ông Tr1 trình bày: .. *"Năm 1994, bà Th2 trở về nên ông H4 giao cho bà Th2 một phần nhà được xây dùng làm chuồng heo, vợ chồng bà Th2 sửa chữa lại làm phòng trọ ở, bà Th2 xây dựng thêm một căn phòng sát với mặt tiền hẻm phía sau để ở.."*. Các đương sự khác trong vụ án không ai phản đối hay ý kiến trình bày gì khác với ý kiến này của bà Th2 nên HĐXX có cơ sở xác định trong quá trình được ông H4 cho về ở tại nhà đất này thì bà Th2 có sửa chữa xây dựng thêm phòng để ở. Căn cứ bản đồ hiện trạng vị trí số 20944/ĐĐBĐ-CNTĐ ngày 27/9/2017 và bản vẽ hiện trạng nhà số 20944/ĐĐBĐ-CNTĐ ngày 27/9/2017 (bl số 257, 259) hiện trạng sửa chữa, xây dựng và sử dụng của bà Phạm Thị Thanh Th2 là vị trí số (1), (2), (3). Tại cấp phúc thẩm, các bên đều không có yêu cầu định giá lại, do đó theo Biên bản định giá ngày 30/01/2018 thì giá trị xây dựng còn lại đối công trình trên đất tại các vị trí nêu trên tổng cộng là 107.214.839 đồng (bl số 256).

- Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận bà Th2 trong quá trình sống với cha là ông H4 có sửa chữa và xây dựng thêm một căn phòng để vợ chồng bà Th2 ở. Mặc dù khi UBND quận T bán hóa giá nhà đất thuộc sở hữu nhà nước tại số 155 đường LVC cho ông H4 trong đó có phần nhà xây dựng thêm của bà Th2 nhưng bà Th2 không có ý kiến hay yêu cầu đối với vấn đề này. Như vậy, có cơ

sở để xác định toàn bộ nhà đất này là do ông H4 đã mua theo *"Hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước và chuyển quyền đất ở số 355/HĐBNƠ.1 ngày 24/12/2007"* (số bl 332) của ông H4, bà T. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi của bà Th2, cần phải trừ giá trị tài sản mà bà Th2 đã xây dựng khi chia di sản thừa kế của ông H4, bà T cho các thừa kế.

* Về việc sửa chữa nhà của vợ chồng ông H3:

- Căn cứ theo lời khai của các đương sự, trong quá trình sinh sống chung với ông Phạm Quang H4, ông H3 có 02 lần sửa chữa căn nhà. Tại bản tự khai ngày 27/7/2017, ông Phạm Quang H3 trình bày: *"Vào năm 2002, nhà xuống cấp nên ông H4 bảo ông H3 sửa nhà để ở. ông H3 có nói rộng thêm thêm nhà, ngăn vách phòng và gia cố tường, lắp cửa, xây hệ thống thoát nước, lắp đường nước sinh hoạt."* (bl số 222). ông H3 còn xác nhận tại Biên bản đối chất ngày 20/4/2018: *"ông H3 có sửa chữa nâng nền, xây tường, sơn cửa căn nhà vào năm 2005. ông Tr1 là người thi công và ông H3 đã thanh toán hết 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng"*. Cũng tại Biên bản đối chất trên, ông Tr1 trình bày: *"Năm 2005 ông H3 có sửa chữa nhà nhưng chỉ bỏ ra một khoảng nhỏ chi phí khoảng hơn ba triệu đồng, các chi phí khác gồm nâng nền, sơn sửa do ông H4 chi trả"* (bl số 372). Tại biên bản làm việc ngày 19/3/2020, bà Nguyễn Thị Ng3 là vợ ông H3 xác định vợ chồng bà có sửa chữa căn nhà trong quá trình Tòa án giải quyết tranh chấp như sau: *"Trước tết nguyên đán chỉ quét vôi tường, thay những tấm tôn bị hư. Phần trên là la phong nhựa, các cửa cũng đã hư nhưng vẫn giữ nguyên, không thay đổi. Do đó, không làm thay đổi hiện trạng nhà"* (bl số 400).

Từ các lời khai trên, HĐXX có cơ sở để xác định ông H3 là cháu nội ông H4 và đã được ông H4 cho về ở trong căn nhà trên, trong quá trình ở tại đây cùng với ông nội, ông H3 có đóng góp số tiền 3 triệu đồng để sửa chữa nhà, đồng thời việc sửa chữa là nhằm mục đích phục vụ cho chính bản thân gia đình ông H3 trong quá trình ở nhờ nhà ông H4 và không làm thay đổi hiện trạng nhà như hiện nay.

* Đối với tiền thuê, mua nhà và các chi phí liên quan đến nhà đất:

Số tiền thuê nhà 32.385.358 đồng do bà Th2 nộp được các đồng thừa kế thừa nhận, do đó cần phải trả số tiền này cho bà Th2 khi chia di sản. Đối với số tiền 84.877.039 đồng mà nguyên đơn đã nộp để hoàn tất thủ tục mua nhà, đất, do nguyên đơn không yêu cầu, không tranh chấp đối với số tiền này nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp.

* Đối với công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo, giữ gìn di sản thừa kế:

- Theo án lệ số 05/2016/AL về vụ án "Tranh chấp di sản thừa kế" được HĐTP Toà án nhân dân Tối Cao thông qua và công bố theo quyết định 220/QĐ - CA ngày 06/04/2016 có nội dung: *"Trong vụ án tranh chấp di sản thừa kế, có đương sự thuộc diện được hưởng một phần di sản thừa kế và có công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế nhưng không đồng ý việc chia thừa kế (vì cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện về thừa kế), không có yêu cầu cụ thể về việc xem xét công sức đóng góp của họ vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa*

kế; nếu Tòa án quyết định việc chia thừa kế cho các thừa kế thì phải xem xét về công sức đóng góp của họ vì yêu cầu không chia thừa kế đối với di sản thừa kế lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức".

Đối chiếu trong vụ án này, nhận thấy bà Th2 là con ruột được ông H4 cho về đây ở từ năm 1993 cho đến nay và bà có xây dựng, sửa chữa coi nói nhỏ đối với căn phòng của bà ở cũng nhằm mục đích phục vụ cho chính bản thân gia đình bà. ông H3 là cháu nội của ông H4 và được ông H4 cho về ở tại căn nhà từ năm 1999, trong quá trình ở ông H3 có đóng góp số tiền 3 triệu đồng để sửa chữa nhà và việc sửa chữa này nhằm mục đích phục vụ cho chính bản thân gia đình ông H3. Trong quá trình giải quyết vụ kiện bà Th2 và ông H3 không có yêu cầu cụ thể về việc xem xét công sức đóng góp quản lý, tôn tạo di sản thừa kế, tuy nhiên vì yêu cầu được công nhận tặng cho, công nhận di chúc lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức nên HĐXX áp dụng án lệ số 05/2016/AL để giải quyết. Xét thấy bà Th2 có công sức đóng góp tôn tạo, giữ gìn một phần di sản thừa kế nên trích từ trị giá của di sản thừa kế để chia cho bà Th2 số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Vợ chồng ông H3 có công sức sửa chữa giữ gìn một phần di sản nên trích từ trị giá của di sản thừa kế để chia cho vợ chồng ông H3 tổng cộng số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

[10] Đối với yêu cầu độc lập của ông Đặng Văn Nh3, HĐXX nhận thấy:

Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Nh3 và ông Nh3 không có kháng cáo và có đơn xin xét xử vắng mặt nên giữ nguyên phần này của án sơ thẩm.

[11] Từ những phân tích nêu trên, HĐXX cấp phúc thẩm chấp kháng nghị số 6550/QĐKNPT-VKS-DS ngày 25/05/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xem xét lại phần thừa kế bà Tường được hưởng từ ông H4; phần án phí sơ thẩm mà các đương sự phải chịu và kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Quang Tr1 là có căn cứ nên được chấp nhận, cải sửa án bản án sơ thẩm. Đối với ý kiến của đại diện VKS tại phiên tòa phúc thẩm là đề nghị huỷ bản án sơ thẩm do cần phải định giá lại tài sản và thẩm định, đo vẽ lại hiện trạng tài sản tranh chấp, làm rõ việc thiếu người tham gia tố tụng trong vụ kiện này là không cần thiết vì tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự không yêu cầu Tòa án định giá lại. Tại thời điểm xét xử trị giá tài sản này không thay đổi nhiều so với trị giá đã được xác định theo Biên bản định giá ở cấp sơ thẩm. Đối với ý kiến cấp sơ thẩm thiếu người tham gia tố tụng, nhận thấy theo Biên bản xác minh của công an phường LT quận T thì cháu Mai Thiên Phúc sinh năm 2015 là con của ông Quyết và bà Phương; hai cháu Trần Văn Thuyết, Trần Gia Cường sinh năm 2014 là con của ông Th3 và bà Huế; hai cháu Phạm Thị Thanh Yên sinh năm 2006; Phạm Quang Khải sinh năm 2010 là con của ông H3 và bà Ng3 những người đã tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện còn các con có tên trên thì hiện nay còn nhỏ, sống phụ thuộc vào cha mẹ nên cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ về người tham gia tố tụng trong vụ kiện này.

Do đó, HĐXX xác định ông H4 bà T chết không để lại di chúc nên di sản là nhà đất 155 đường LVC, khu phố 1, phường LT, quận T được chia thừa kế

theo quy định pháp luật. Do diện tích đất tối thiểu không đủ điều kiện tách thửa theo quy định tại Quyết định 60/2017/QĐ ngày 05/12/2017 của UBND TP. Hồ Chí Minh nên di sản được chia theo giá trị, đồng thừa kế nhận nhà sẽ thanh toán kỹ phần cho các đồng thừa kế còn lại.

* Di sản được chia cụ thể như sau:

Trong quá trình cấp phúc thẩm giải quyết và tại phiên toà hôm nay, các đương sự không có yêu cầu định giá lại nên căn cứ theo Biên bản định giá ngày 30/01/2018 thì tổng giá trị tài sản nhà đất 155 đường LVC, khu phố 1, phường LT, quận T là 8.715.111.390 đồng (tám tỷ, bảy trăm mười lăm triệu, một trăm mười một nghìn, ba trăm chín mươi đồng) (bị số 256).

* Tổng trị giá còn lại của di sản sau khi được trừ cụ thể như sau: 8.715.111.390đ - 107.214.839đ (là phần giá trị xây dựng còn lại của bà Th2) - 200.000.000đ (số tiền công sức của bà Th2) - 100.000.000đ (số tiền công sức của ông H3) - 32.385.358 đ (tiền do bà Th2 nộp) = 8.275.511.193đ (tám tỷ, hai trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm mười một nghìn một trăm chín mươi ba đồng).

* Như vậy mỗi kỹ phần được chia như sau là: $8.275.511.193đ : 4 = 2.068.877.798$ đồng;

bà Th2 được nhận tổng số tiền: $2.068.877.798đ + 107.214.839đ + 24.289.018đ + 200.000.000đ = 2.400.381.655$.

* ông H3 được hưởng số tiền tổng cộng là 100.000.000 đồng.

* Do ông Phạm Quang Tr1 là người được nhận di sản là nhà đất 155 đường LVC, khu phố 1, phường LT, quận T và phía ông Ch3 bà H3 tặng cho kỹ phần thừa kế nên ông Tr1 phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Th2 tổng số tiền là 2.400.381.655 đồng.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do Bản án sơ thẩm bị sửa nên nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm cũng được xác định lại, ông Phạm Quang Tr1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị kỹ phần được nhận, trên kỹ phần do ông Ch3, bà H3 cho ông Tr1 và trên giá trị tiền hoàn lại cho bà Th2, ông H3; bà Th2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị kỹ phần được nhận nhưng được miễn án phí vì do người cao tuổi; ông Đặng Văn Nh3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu không được chấp nhận nhưng được miễn án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi; ông Phạm Quang H3 phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu độc lập không được chấp nhận.

- Các chi phí tố tụng ông Tr1, ông H3 tự nguyện chịu như chi phí đo đạc lập bản vẽ, chi phí giám định; ông Tr1 phải chịu chi phí định giá tài sản, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí giám định (các bên đã thanh toán xong).

[13] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng nghị số 6550/QĐKNPT-VKS-DS ngày 25/05/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Quang Tr1.

Sửa bản án sơ thẩm số 69/2020/DSST ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân quận T (nay là TP. T - TP.Hồ Chí Minh).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Quang Tr1.

2. Xác định bản Di chúc ngày 07/12/2005 (chứng thực ngày 6/12/2005) do ông Phạm Quang H4 lập là không hợp pháp.

2.1. Xác định di sản thừa kế của ông Phạm Quang H4 và bà Lê Thị T là nhà đất số 155 đường LVC, khu phố 1, phường LT, quận T (nay là Thành phố T) Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích là 186,2m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 241/2008/GCN ngày 22/07/2008 do UBND quận T - TP.HCM, có tổng trị giá là 8.715.111.390 đồng (tám tỷ, bảy trăm mười lăm triệu, một trăm mười một nghìn, ba trăm chín mươi đồng).

2.2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất ông Phạm Quang H4 và bà Lê Thị T là các ông, bà như sau: ông Phạm Quang Ch3, bà Phạm Thị Thanh Th2, bà Phạm Thị H3 và ông Phạm Quang Tr1. Mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế $\frac{1}{4}$ giá trị nhà đất số 155 đường LVC, khu phố 1, phường LT, quận T (nay là TP. T) Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Công nhận sự tự nguyện tặng cho giá trị kỷ phần thừa kế của các ông, bà: ông Phạm Quang Ch3, bà Phạm Thị H3 trong khối di sản là nhà đất số 155 đường LVC, khu phố 1, phường LT, quận T (nay là TP. T) Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Phạm Quang Tr1 (các bên đã thoả thuận xong).

2.4. Bà Phạm Thị Thanh Th2 được nhận tổng cộng số tiền là 2.400.381.655 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu ba trăm tám mươi một nghìn sáu trăm năm mươi năm đồng).

- ông Phạm Quang H3 được nhận số tiền công sức giữ gìn, sửa chữa di sản tổng cộng là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

2.5. Ông Phạm Quang Tr1 được nhận di sản là nhà đất số 155 đường LVC, khu phố 1, phường LT, quận T (nay là TP. T) Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm Quang Tr1 có nghĩa vụ thanh toán cho đồng thừa kế là bà Phạm Thị Thanh Th2 số tiền là 2.400.381.655 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu ba trăm tám mươi một nghìn sáu trăm năm mươi năm đồng) và thanh toán cho ông Phạm Quang H3 số tiền: 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

2.6. Những người đang cư trú tại nhà đất số 155 đường LVC, khu phố 1, phường LT, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh gồm có: Phạm Thị Thanh Th2; Phạm Hồng Hiệp; Phạm Thị Thanh Phương và Mai Chí Quyết (có con là Mai Thiên Phúc) Phạm Thị Huế và Trần Văn Th3 (có 2 con là Trần Văn Thuyết và Trần Gia Cường); Nguyễn Thị Ng3, Phạm Quang Hưng (có 2 con là Phạm Thị Thanh Yên; Phạm Quang Khải) có nghĩa vụ giao trả căn nhà số 155 đường LVC, khu phố 1, phường LT, quận T (nay là TP. T) Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Phạm Quang Tr1 sau khi bà Phạm Thị Thanh Th2 đã nhận đủ số tiền là 2.400.381.655 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu ba trăm tám mươi một nghìn sáu trăm năm mươi năm đồng) và ông Phạm Quang H3 nhận đủ số tiền: 100.000.000đ (một trăm triệu đồng)

2.7. Sau khi thanh toán xong số tiền trên, ông Phạm Quang Tr1 được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục được công nhận quyền sở hữu nhà và đất tại số 155 đường LVC, khu phố 1, phường LT, quận T (nay là TP. T) Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 241/2008/GCN ngày 22/07/2008 do UBND quận T - TP.HCM cấp theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Quang Tr1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 114.314.730 đồng (một trăm mười bốn triệu ba trăm mười bốn nghìn bảy trăm ba mươi đồng) được trừ 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014808 ngày 15/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T (nay là TP. T) Thành phố Hồ Chí Minh. ông Tr1 còn phải nộp tiếp số tiền là 111.814.730 đồng (một trăm mười một triệu tám trăm mười bốn nghìn bảy trăm ba mươi đồng).

- Bà Phạm Thị Thanh Th2 và ông Đặng Văn Nh3 được miễn án phí.

- ông Phạm Quang H3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng .

Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phạm Quang Tr1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho ông Tr1 số tiền 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0056929 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T (nay là TP. T) Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND TP. T, TPHCM;
- Chi cục THADS TP. T, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Hương